

Bản án số: 51/2020/HS-ST

Ngày: 19/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Ơn

Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Thành Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tòng Văn Đ**; Tên gọi khác: **Tòng Văn L**; Sinh ngày: 16/12/1998 tại Điện Biên; Nơi cư trú: **Đội 17, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên**; Nghề nghiệp: **Làm ruộng**; Trình độ văn hoá: **7/12 phổ thông**; Dân tộc: **Thái**; Giới tính: **Nam**; Tôn giáo: **Không**; Quốc tịch: **Việt Nam**; Con ông: **Tòng Văn K** - sinh năm 1968 và con bà: **Lò Thị Th** - sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Tiền sự: **Không**; Nhân thân: Ngày 02/8/2019, **Tòng Văn Đ** đã 02 lần trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã khởi tố và bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số: 92/2019/HSST ngày 27/11/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2019 (hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên) cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị **Quàng Thị H** - Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Đội 17, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt);

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Nguyễn Thị Huyền Tr** - sinh năm: 1989; Địa chỉ: Đội 24 (Chợ B), xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt);

- Bà **Lò Thị Th** - sinh năm: 1972; Địa chỉ: Đội 17, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt);

- Anh **Quàng Văn T** - sinh năm: 1988; Địa chỉ: Đội 17, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 13/8/2019, Tòng Văn Đ đi chơi trong đội 17, xã N, huyện Đ thì thấy cửa nhà chị Quàng Thị H khóa ngoài, không có người ở nhà. Do biết chị H thường xuyên vắng nhà nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị H để mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đ đi vòng ra phía sau nhà H thấy cánh cửa sau nhà cao 2,15m, rộng 0,8m, có 02 chốt ngang bên trong đã khóa, Đ bẻ gãy thanh sắt V3 chôn dưới đất làm cọc rào vườn cách mép cửa bên phải 0,6m được một đoạn dài 1,35m và dùng để cậy mở cửa. Sau khi mở được cửa, Đ vứt thanh sắt xuống đất ngay cạnh cửa (cách mép tường bên phải 0,15m) rồi đi vào buồng ngủ trong nhà lục lọi, mở ngăn bàn bên trái phía trên của bàn Tr điểm lấy được 01 bộ dây xà tích bằng kim loại màu trắng bạc trị giá 210.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 4.100.000 đồng cất vào túi quần bên phải đang mặc. Sau đó, Đ ra ngoài theo lối đã vào rồi đến nhà Quàng Văn T, sinh năm 1988, trú tại đội 17, xã N, huyện Đ mượn xe đạp đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Đ đi xe đạp về lán (nơi Đ vẫn ngủ) cất giấu bộ dây xà tích vào trong gối ngủ của mình. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Đ đi xe đạp tới gặp và bán chiếc nhẫn vàng cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr là chủ hiệu vàng N tại chợ B, xã N, huyện Đ được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó, Đ tới khu vực đội 15 B, xã N, huyện Đ mua 200.000 đồng Heroine của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 35 tuổi (không biết tên, địa chỉ) và sử dụng hết bằng hình thức chích. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ về nhà đưa cho mẹ đẻ là bà Lò Thị Th 100.000 đồng để trả nợ nhưng không nói cho bà Th biết nguồn gốc số tiền đó. Sau đó, Đ đi đến khu vực đường trong bản X, xã Th, huyện Đ mua 200.000 đồng Heroine của người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) rồi ra bụi cây ven đường sử dụng hết. Đến chiều tối cùng ngày, Đ đến nhà T trả xe và đi về nhà (T không biết việc Đ trộm cắp tài sản). Ngày 14/8/2019, Đ tiếp tục sử dụng số tiền còn lại mua 500.000 đồng Heroine của người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi (không rõ tên, địa chỉ) ở bản X sử dụng hết và chi tiêu cá nhân hết số tiền còn lại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 76/KL-ĐGTS ngày 19/11/2019 và Kết luận định giá tài sản số: 77C/KL-ĐG ngày 20/11/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Điện Biên kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 4.100.000 đồng; 01 thanh sắt V3 dài 1,35m trị giá 6.700 đồng; 01 bộ dây xà tích trị giá 210.000 đồng. Tổng giá trị **4.316.700** đồng (Bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng).

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Trong quá trình điều tra bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật; bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 16/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã trả lại cho người bị hại chị Quàng Thị H: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 bộ dây xà tích bằng kim loại màu bạc trắng theo Quyết định xử lý vật chứng số 14 ngày 15/01/2020 của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 13/02 /2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã chuyển vật chứng của vụ án sang cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên gồm: 01 (Một) thanh sắt V3 dài 1,35m một đầu bằng, một đầu có vết bẻ gãy, là công cụ phạm tội; 05 (Năm) tờ tiền đang lưu hành của Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng do bà Lò Thị Th (mẹ bị cáo) giao nộp.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS-HĐB ngày 07/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Tòng Văn Đ về tội : “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tòng Văn Đ mức án từ 06 đến 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án tù: 21 đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt V3 dài 1,35m một đầu bằng, một đầu có vết bẻ gãy là công cụ phạm

tội và tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành do bị cáo phạm tội mà có.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr số tiền là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Tòng Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa Tòng Văn Đ khai nhận vào khoảng 07 giờ ngày 13/8/2019, tại Đội 17, xã N, huyện Đ, Tòng Văn Đ đã có hành vi lén lút, bí mật, dùng thanh sắt V3 dài 1,35m cạy phá cửa sau nhà chiếm đoạt của chị Quàng Thị H 01 chiếc nhẫn bằng vàng trị giá 4.100.000 đồng cùng 01 bộ dây xà tích màu trắng bạc trị giá 210.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 4.310.000 đồng. Sau đó bị cáo đã mượn xe đạp của anh Quàng Văn T mang chiếc nhẫn vàng đi bán cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã mua ma túy sử dụng hết 900.000 đồng, đưa cho bà Lò Thị Th (mẹ đẻ bị cáo) 100.000 đồng để trả tiền bị cáo vay bà Th trước đó, số tiền còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, đơn trình báo của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*"

Bị cáo Tòng Văn Đ là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Tòng Văn Đ về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là chiếm đoạt tài sản và đã hoàn thành cả về hành vi và hậu quả của tội Trộm cắp tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên vào ngày 02/8/2019, Tòng Văn Đ đã 02 lần trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xử phạt 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/9/2019 (*Bản án số: 92/2019/HSST ngày 27/11/2019*). Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, nghiện ma túy từ đầu năm 2019, vì muốn có tiền để chi tiêu cho bản thân và mua ma túy sử dụng nên đã bất chấp pháp luật dân thân vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, để thể hiện sự khoan hồng của Đảng, Pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời đây cũng là điều kiện thuận lợi để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia pH tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, không có thu

nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về vật chứng vụ án: Ngày 16/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã trả lại cho người bị hại chị Quảng Thị H: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 bộ dây xà tích bằng kim loại màu bạc trắng theo Quyết định xử lý vật chứng số 14 ngày 15/01/2020 của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Xét thấy việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra.

Đối với 01 thanh sắt V3 dài 1,35m một đầu bằng, một đầu có vết bẻ gãy là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 100.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Quảng Thị H đã nhận lại 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 bộ dây xà tích bằng kim loại màu bạc trắng, chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với chị Nguyễn Thị Huyền Tr là người đã mua chiếc nhẫn vàng của Tòng Văn Đ với số tiền 3.000.000 đồng, chị Tr không biết chiếc nhẫn trên là do Đ trộm cắp mà có, chị Tr yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Tr số tiền là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự.

[7] Về các vấn đề khác:

Bà Lò Thị Th (mẹ bị cáo) được Tòng Văn Đ đưa cho số tiền 100.000 đồng để trả tiền Th đã vay bà Th trước đó, bà Th không biết đó là tiền do Đ trộm cắp mà có và đã tự giác giao nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra. Xét hành vi của bà Th không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không đề cập việc xử lý đối với bà Th.

Đối với anh Quảng Văn T là người đã cho bị cáo Tòng Văn Đ mượn xe đạp nhưng không biết Đ sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử không đề cập việc xử lý đối với anh T.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Tòng Văn Đ (Tên gọi khác: Tòng Văn L) phạm tội: "**Trộm cắp tài sản**".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Tòng Văn Đ **09 (chín) tháng tù** về tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: **02 (Hai) năm tù** (Bản án số: 92/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo Tòng Văn Đ 01 năm 03 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản và Bản án số: 51/2020/HSST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo Tòng Văn Đ 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (08/9/2019).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) thanh sắt V3 dài 1,35m một đầu bằng, một đầu có vết bẻ gãy là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành do bị cáo phạm tội mà có.

Vật chứng đã được Công an huyện Điện Biên bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2020 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 14 ngày 15/01/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr số tiền là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Tòng Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị Nguyễn Thị Huyền Tr) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bị cáo Tòng Văn Đ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/3/2020). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện DB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- HSNV Công an huyện DB;
- CQĐT Công an huyện DB;
- Nhà tạm giữ Công an huyện DB;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa PH tòa

Vũ Thị Tuyền

